

TÓNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	11

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0300625210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ năm ngày 16 tháng 1 năm 2015.	
Hội đồng Thành viên	Ông Phạm Huy Bình Ông Trần Hùng Việt Ông Võ Văn Tuấn	Chủ tịch Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Hùng Việt Ông Lê Ngọc Cơ Ông Tô Tấn Dũng Ông Vương Anh Tuấn Ông Nguyễn Đông Hòa Ông Võ Anh Tài	Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Trần Hùng Việt	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 51. Các báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Hùng Việt
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 29 tháng 5 năm 2018. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Từ Mai Anh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3546-2017-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM7274
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2018

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.436.873.505.511	3.960.511.371.154
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.932.988.343.485	1.553.459.684.365
111	Tiền		380.929.907.128	344.257.015.329
112	Các khoản tương đương tiền		1.552.058.436.357	1.209.202.669.036
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1.609.970.798.276	1.344.581.894.845
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	1.609.970.798.276	1.344.581.894.845
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		707.669.434.221	878.510.401.073
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	236.733.186.313	244.354.646.978
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		111.310.400.893	118.968.101.434
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	399.137.923.338	542.915.469.029
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(39.512.076.123)	(27.727.816.368)
140	Hàng tồn kho		133.860.069.015	99.241.751.081
141	Hàng tồn kho		133.860.069.015	99.241.751.081
150	Tài sản ngắn hạn khác		52.384.860.514	84.717.639.790
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		26.427.584.289	23.897.510.489
152	Thuế GTGT được khấu trừ	13	8.563.343.882	12.861.272.477
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	17.393.932.343	47.958.856.844

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 01 – DN/HN

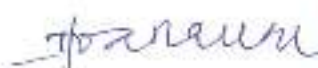
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		7.257.830.189.208	6.999.237.820.286
210	Các khoản phải thu dài hạn		57.592.306.790	57.956.635.239
218	Phải thu dài hạn khác	7(b)	57.592.306.790	57.956.635.239
220	Tài sản cố định		2.057.380.792.580	2.057.823.549.339
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	1.881.337.857.002	1.845.206.686.017
222	Nguyên giá		3.929.495.180.309	3.765.471.629.150
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.068.157.323.307)	(1.920.264.943.133)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	186.042.935.578	212.616.863.322
228	Nguyên giá		283.088.526.058	276.776.853.828
228	Giá trị khấu hao lũy kế		(67.045.590.480)	(64.159.990.507)
230	Bất động sản đầu tư	10	17.783.291.955	24.411.597.158
231	Nguyên giá		82.147.051.105	101.087.617.875
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(74.363.759.150)	(76.876.020.717)
240	Tài sản dở dang dài hạn		635.161.104.565	600.528.900.157
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	1.126.278.579
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	635.161.104.565	599.402.621.578
250	Đầu tư tài chính dài hạn		4.416.091.784.863	4.178.394.610.703
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5(a)	3.742.610.981.074	3.504.122.242.703
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(b)	737.610.331.566	727.967.579.107
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(c)	(64.029.537.777)	(53.695.211.107)
260	Tài sản dài hạn khác		73.820.908.455	80.122.527.690
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	73.820.908.455	80.122.527.690
270	TỔNG TÀI SẢN		11.694.703.694.719	10.959.749.191.440

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.369.347.423.660	1.413.075.893.635
310	Nợ ngắn hạn		1.045.211.976.710	1.076.085.083.773
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	137.026.539.721	121.391.652.841
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		183.617.422.888	200.736.911.426
313	Thuế và các khoản phải nộp ngắn sách Nhà nước	13	87.098.268.980	87.034.281.459
314	Phải trả người lao động		185.914.215.922	214.291.642.660
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	208.326.568.134	141.322.375.231
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		48.655.985.204	53.702.614.018
319	Phải trả ngắn hạn khác	15(a)	95.158.252.188	100.331.877.734
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16(a)	30.736.074.530	20.219.392.250
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn		930.000.000	930.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	66.748.648.163	156.124.336.154
330	Nợ dài hạn		324.135.446.950	336.990.809.862
331	Phải trả người bán dài hạn		447.673.550	447.673.550
337	Phải trả dài hạn khác	15(b)	158.965.413.189	159.680.029.805
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16(b)	114.188.233.313	120.445.660.415
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18	7.122.196.818	16.928.516.012
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		43.411.930.080	39.488.930.080
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.325.356.271.059	9.546.673.297.805
410	Vốn chủ sở hữu		10.325.356.271.059	9.546.673.297.805
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19,20	6.708.427.463.808	6.762.660.406.865
414	Vốn khác của chủ sở hữu	20	126.188.509	126.188.509
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	3.904.616.935	3.904.616.935
419	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	20	514.056.907.688	490.017.272.010
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20	2.372.406.165.233	1.582.142.520.621
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước		1.478.754.010.825	1.059.545.765.530
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		893.652.154.408	522.596.755.091
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	728.434.928.886	707.822.282.865
440	TỔNG NGUỒN VỐN		11.694.703.694.719	10.959.749.191.440


Trần Thị Minh Hiếu
Người lập

Lê Thị Hoàng Mai
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chínhTrần Hùng Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 5 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.202.752.586.206	5.818.733.218.179
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(728.290.959)	(168.643.035)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.202.024.295.247	5.818.566.575.144
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(5.004.596.469.275)	(4.919.121.962.648)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.197.427.825.972	899.444.612.496
21	Doanh thu hoạt động tài chính	884.755.262.737	424.597.123.551
22	Chi phí tài chính	(52.552.257.893)	(22.367.516.277)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(10.521.475.895)	(10.827.706.100)
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	448.699.842.204	379.652.448.781
25	Chi phí bán hàng	(135.886.960.111)	(123.758.736.496)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(552.447.800.140)	(395.082.286.380)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.789.995.912.769	1.162.485.645.675
31	Thu nhập khác	63.968.906.619	239.187.943.092
32	Chi phí khác	(8.328.940.392)	(53.806.439.285)
40	Lợi nhuận khác	55.637.966.227	185.381.503.807
50	Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	1.845.633.878.996	1.347.867.149.482
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(262.858.160.636)	(178.825.556.778)
52	Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	9.806.319.194	(22.430.651.112)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.592.582.037.554	1.146.610.941.592
	Phân bổ cho		
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.568.283.049.054	1.112.305.903.874
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	24.298.988.500	34.305.037.718

Trần Thị Minh Hiếu
Người lập

Lê Thị Hoàng Mai
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính

Trần Hùng Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 5 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

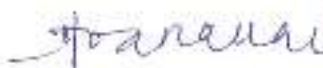

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	1.845.633.878.996	1.347.867.149.482
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	9,10 201.771.473.188	219.482.995.576
03	Các khoản dự phòng	22.118.586.425	13.941.839.267
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	25,26 95.107.682	(2.838.167.053)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.081.160.889.714)	(477.707.467.938)
06	Chi phí lãi vay	26 10.521.475.895	10.827.706.100
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	998.979.632.472	1.111.574.055.434
09	Tăng các khoản phải thu	(38.030.121.456)	(201.913.259.398)
10	Tăng hàng tồn kho	(34.618.317.934)	(38.105.399.969)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(49.907.293.292)	139.290.292.262
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	14.558.825.093	(971.674.231)
14	Tiền lãi vay đã trả	(10.733.947.588)	(11.043.412.619)
15	Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13 (213.167.013.661)	(199.371.600.148)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	24.039.635.678	38.976.603.471
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(123.087.341.141)	(298.958.114.459)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	568.034.058.151	539.477.490.363
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	9, 11, 32 (231.192.645.472)	(169.438.524.307)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	4.834.582.311	2.115.928.280
23	Chi đầu tư tài chính ngắn hạn	(3.957.232.116.626)	(4.825.050.132.221)
24	Thu từ đầu tư tài chính ngắn hạn	3.691.843.213.195	4.097.522.771.638
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(154.981.280.000)	(168.497.990.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	652.685.726.075	8.320.000.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	533.475.633.890	358.499.589.356
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	539.433.113.373	(696.528.357.252)

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	33.327.312.000	766.401.008.875
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	58.951.537.066	24.361.996.326
34	Chi trả nợ gốc vay	(54.692.261.888)	(48.613.232.369)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(765.537.912.230)	(789.196.023.059)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(727.951.345.052)	(47.046.250.227)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	379.515.826.472	(204.097.117.116)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.553.459.684.365	1.757.277.014.850
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	12.832.648	279.766.631
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	1.932.988.343.485	1.553.459.684.365


Trần Thị Minh Hiếu
Người lập

Lê Thị Hoàng Mai
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính

Trần Hùng Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 5 năm 2018